

Số: 60/QĐ-THCH

Cẩm Hưng, ngày 29 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2024
của Trường Tiểu học Cẩm Hưng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC CẨM HƯNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ quyết định số 4168 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Cẩm Giàng về việc giao chỉ tiêu kế hoạch ngân sách năm 2024;

Căn cứ biên bản xét duyệt quyết toán chi ngân sách năm 2024 của phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Cẩm Giàng và trường Tiểu học Cẩm Hưng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2024 của Trường Tiểu học Cẩm Hưng (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài vụ, các bộ phận và cá nhân có liên quan thuộc trường Tiểu học Cẩm Hưng căn cứ Quyết định thi hành ./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH huyện;
- Phòng GD&ĐT huyện;
- Lưu :VT, KT

HIỆU TRƯỞNG



Ngô Thị Mai Hương

Biểu số 4- Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018

Đơn vị: Trường Tiểu học Cẩm Hưng

Chương: 622

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số / QĐ-THCH ngày 29/5/2025 của trường Tiểu học Cẩm Hưng)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)



ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			0	0
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	6.534.379.550	6.534.379.550	0	0
I	Nguồn ngân sách trong nước	6.534.379.550	6.534.379.550	0	0
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	6.534.379.550	6.534.379.550	0	0
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.276.800.550	5.276.800.550	0	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.257.579.000	1.257.579.000	0	